HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2020/NQ-HĐND	*Bắc Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
V/v Ban hành chính sách hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2020-2025

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH BẮC NINH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT;

Xét Tờ trình số 514/TTr-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2020-2025 với các nội dung sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

Doanh nghiệp đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ (trừ doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước), thực hiện dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng diện tích, thuê mặt bằng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

2. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ mặt bằng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện như sau:

a) Là doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập trên địa bàn tỉnh (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước).

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa đã hoàn thành thủ tục ký Hợp đồng thuê lại mặt bằng với đơn vị kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thực hiện hoạt động đầu tư đúng theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng. Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

c) Trong trường hợp cùng thời điểm, nếu có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau, thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

d) Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ phải được công khai trên trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan.

4. Nội dung hỗ trợ

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng diện tích, thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 50% toàn bộ giá thuê mặt bằng theo Hợp đồng trong 03 năm đầu, kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng tính trên tổng thời gian thuê của nhà đầu tư thứ cấp, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 01 tỷ

đồng/dự án *(Đối với dự án đầu tư mở rộng diện tích thì chỉ hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng đối với phần diện tích mở rộng).*

Trường hợp đặc thù doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư mới hoặc mở rộng, có số thuế nộp ngân sách nhà nước tối thiểu 50 tỷ đồng/năm ít nhất trong 03 năm đầu, ngoài nội dung đã được hỗ trợ nêu trên còn được hỗ trợ thêm với tổng kinh phí hỗ trợ 100% giá thuê mặt bằng trong 03 năm, nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển (*Phụ lục Danh mục được ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ)* cho Tổ hợp Samsung, doanh nghiệp FDI được hỗ trợ 70% giá thuê mặt bằng trong 03 năm đầu, kể từ ngày ký hợp đồng cung ứng sản phẩm, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 02 tỷ đồng/dự án.

b) Doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh trong các làng nghề, nơi đông dân cư tự nguyện di dời vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp được hỗ trợ chi phí di dời hợp lý, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

Hỗ trợ giá thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp theo mức hỗ trợ tại Nghị quyết này.

5. Hình thức, thời điểm hỗ trợ

a) Hình thức hỗ trợ: Việc hỗ trợ giá thuê lại mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện thông qua việc bù giá cho đơn vị kinh doanh hạ tầng để giảm giá cho thuê mặt bằng, sau khi có quyết định phê duyệt hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thời điểm hỗ trợ: Các doanh nghiệp ký hợp đồng kể từ ngày Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025 có hiệu lực.

6. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ, cấp kinh phí (kèm theo bản cam kết của Nhà đầu tư về việc hoàn trả lại kinh phí hỗ trợ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu hồ sơ đề nghị hỗ trợ được lập không trung thực);

- Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa;

- Bản sao hợp đồng thuê lại mặt bằng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng;

- Xác nhận số nộp ngân sách nhà nước của cơ quan Thuế (đối với trường hợp đặc thù doanh nghiệp nhỏ và vừa có số thuế nộp ngân sách nhà nước trên 50 tỷ đồng/năm).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn (đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa cung ứng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho Tổ hợp Samsung, doanh nghiệp FDI).

b) Quy trình thủ tục hỗ trợ:

- Lập kế hoạch hỗ trợ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan đơn vị có liên quan xây dựng kinh phí hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2025, đăng ký nhu cầu nguồn vốn đầu tư hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh vào tháng 11, trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

- Phê duyệt hỗ trợ:

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Trung tâm hành chính công tỉnh. Bộ phận đầu mối của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm hành chính công có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hợp sơ. Trường hợp chưa hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp bằng văn bản, hướng dẫn doanh nghiệp chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hoặc tổ chức họp lấy ý kiến thẩm định hồ sơ trực tiếp tại hội nghị và kiểm tra, khảo sát thực tế (nếu cần thiết).

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến thẩm định hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời về nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; trường hợp cần phải kiểm tra, khảo sát, xác minh thực tế thì được phép kéo dài thêm thời gian trả lời nhưng cũng không được quá 10 ngày làm việc. Quá thời hạn quy định mà cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi là đã đồng ý và người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị hỗ trợ thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao. Sở Kế hoạch và Đầu tư được phép thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia thẩm định của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo thẩm định (có dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo) trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, hoàn thiện cho phù hợp, đảm bảo yêu cầu theo quy định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu doanh nghiệp chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp bằng văn bản nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ cho doanh nghiệp thông qua việc bù giá cho đơn vị kinh doanh hạ tầng hoặc ban hành văn bản chỉ đạo khác.

- Giải ngân vốn hỗ trợ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Sở Tài chính thực hiện thủ tục cấp phát kinh phí hỗ trợ vào tài khoản doanh nghiệp cung cấp theo quy định của pháp luật.

Quyết toán vốn hỗ trợ hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện chính sách, nếu có các trường hợp phát sinh về nội dung hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến bằng văn bản.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 11/12/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 25/12/2020./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, CP (b/c);
- Bộ KH&ĐT, Bộ TC; Bộ NN&PTNT (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng TH, lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Quốc Chung